| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C**<br>**TỈNH KHÁNH HÒA** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập Tự do – Hạnh Phúc** |

*Bản án số:37/2019/HNGĐ-ST*
*Ngày 15 tháng 8 năm 2019*
*V/v: ly hôn*

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C – TỈNH KHÁNH HÒA**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***
- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Bùi Thị Mỹ Hạnh
- *Các hội thẩm nhân dân:* - Ông Lê Qúy Hùng
- Bà Nguyễn Thị Bội Hoàn

***- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Thanh Trúc - Thư ký Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Khánh Hòa.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh Khánh Hòa tham gia phiên tòa:*** Ông Bùi Văn Hùng – Kiểm sát viên.

Ngày 15/8/2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Khánh Hòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 58/2019/TLST-HNGĐ ngày 10/4/2019 về ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 38/2019/QĐXXST-HNGD ngày 30/7/2019, giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Chị Trần Thị Mỹ T - sinh năm: 1987, địa chỉ cư trú: Thôn V, xã S, huyện C, tỉnh Khánh Hòa. Có mặt

* Bị đơn: Anh Nguyễn Văn D - sinh năm: 1979, địa chỉ cư trú: Thôn V, xã S, huyện C, tỉnh Khánh Hòa. Có mặt

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Trần Thị Mỹ T trình bày:*

- Về yêu cầu ly hôn: Bà T và ông Nguyễn Văn D tự nguyện tìm hiểu và chung sống với nhau vào năm 2005, đăng ký kết hôn tại UBND xã G, huyện G, tỉnh N được cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 17/02/2005. Trong quá trình chung sống đến năm 2006 thì bà T và ông D phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân vợ chồng không hòa hợp tính cách, bản thân ông D tự quyết định mọi vấn đề trong cuộc sống, không hỏi ý kiến bà T và có quan hệ tình cảm với người khác nên giữa vợ chồng thường xảy ra kình cãi, chửi bới, xúc phạm nhau và ông D đã có hành vi bạo lực với bà T. Hai bên đã sống ly thân từ tháng 07/2018 đến nay. Bà T đã nộp đơn xin ly hôn hai lần trước đây nhưng rút đơn và cho nhau cơ hội nhưng không giải quyết được. Nay bà T không còn tình cảm với ông D nên yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với ông Nguyễn Văn D.

- Về nuôi con và cấp dưỡng nuôi con: bà T và ông D có có 02 con chung là Nguyễn Quốc A sinh ngày 06/11/2005 và Nguyễn Trần P sinh ngày 08/11/2008.

Bà T đồng ý giao các con chung cho ông D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục và không cấp dưỡng nuôi con.

- Về chia tài sản chung và nợ chung: Bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, ông Nguyễn Văn D trình bày:*

- Về yêu cầu ly hôn: ông D thống nhất với lời trình bày của bà T về thời điểm kết hôn. Trong cuộc sống vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn, kình cãi, xúc phạm nhau nhưng nguyên nhân là do bà T không thông cảm và chia sẻ với ông D trong công việc. Đồng thời bà T có quan hệ tình cảm với người khác và có những hành động không đúng ảnh hưởng tới công việc của ông D. Bản thân ông D có quan hệ tình cảm với người khác nhưng đó là mối quan hệ xã giao và việc ông D đánh vợ là do bà T có lời lẽ hăm dọa. Ông D và bà T sống ly thân từ tháng 7/2018. Ông D thừa nhận cuộc hôn nhân không thể cứu vãn và không còn biện pháp nào để hàn gắn nhưng không đồng ý với yêu cầu ly hôn của bà T vì hai bên chưa tự thỏa thuận được về tài sản chung.

- Về nuôi con và cấp dưỡng nuôi con: ông D và bà T có 02 con chung là Nguyễn Quốc A sinh ngày 06/11/2005 và Nguyễn Trần P sinh ngày 08/11/2008. Ông D đồng ý trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục các con chung và không yêu cầu bà T cấp dưỡng nuôi con.

- Về chia tài sản chung và nợ chung: ông D không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C phát biểu ý kiến:*

Về tuân theo pháp luật tố tụng: quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà T; ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận của bà T và ông D về con chung; về tài sản chung và nợ chung bà T và ông D được quyền khởi kiện vụ án dân sự khác khi có yêu cầu.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tranh chấp về ly hôn giữa bà Trần Thị Mỹ T và ông Nguyễn Văn D thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện C theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về yêu cầu ly hôn: bà T và ông D tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn Uỷ ban nhân dân xã G, huyện G, tỉnh N được cấp Giấy chứng nhận kết hôn ngày 17/02/2005; đây là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống giữa bà T và ông D phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không chia sẻ, không tin tưởng dẫn đến việc xúc phạm, hành hạ, không tôn trọng nhau. Bà T xác định không còn tình cảm với ông D nên không thể hàn gắn tình cảm. Ông Dũng xác định không có giải pháp khắc phục mâu thuẫn vợ chồng nhưng ông Dũng không đồng ý ly hôn vì vợ chồng chưa tự thỏa thuận được về tài sản chung. Hội đồng xét xử xét thấy tình trạng hôn nhân giữa bà T và ông D là trầm

trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Nên căn cứ vào các Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, bà T được ly hôn với ông D.

[3] Về nuôi con và cấp dưỡng nuôi con: Bà T và ông D có 02 con chung là Nguyễn Quốc A sinh ngày 06/11/2005 và Nguyễn Trần P sinh ngày 08/11/2008; ghi nhận sự thỏa thuận tự nguyện giữa bà T và ông D về việc giao cháu Quốc A và cháu Trần P cho ông D trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng. Ông D không yêu cầu bà T cấp dưỡng nuôi con.

**[**4] Về tài sản chung và nợ chung: bà T không có yêu cầu. Tại biên bản lấy lời khai ngày 23/4/2019, ông D trình bày sẽ nộp đơn yêu cầu chia tài sản chung khi ly hôn và giải quyết nợ chung kèm theo các tài liệu, chứng cứ chứng minh vào ngày 06/5/2019 và nếu ông D không nộp đơn yêu cầu đúng thời hạn thì yêu cầu Tòa án tiếp tục giải quyết theo quy định pháp luật. Tuy nhiên, đến ngày 06/5/2019, ông D không nộp đơn giải quyết. Ngày 27/5/2019, Tòa án ra công văn số 165/CV-TA thông báo cho ông D để làm đơn yêu cầu giải quyết về việc chia tài sản chung khi ly hôn và nợ chung giữa bà T và ông D nhưng ông D không nộp đơn yêu cầu. Tại biên bản hòa giải ngày 02/7/2019, về tài sản chung ông D và bà T tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết; về nợ chung không yêu cầu. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết, sau này nếu bà T và ông D có yêu cầu thì giải quyết bằng vụ kiện dân sự khác.

[5] Về án phí: bà T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 và 84 của Luật hôn nhân và gia đình.

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Căn cứ Nghị quyết 326/2016 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, bà Trần Thị Mỹ T được ly hôn với ông Nguyễn Văn D.

2. Về nuôi con và cấp dưỡng nuôi con: Ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận giữa bà Trần Thị Mỹ T và ông Nguyễn Văn D là giao cháu Nguyễn Quốc A sinh ngày 06/11/2005 và cháu Nguyễn Trần P sinh ngày 08/11/2008 cho ông Nguyễn Văn D trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Ông Nguyễn Văn D không yêu cầu bà Trần Thị Mỹ T cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, vì lợi ích của con khi cần thiết các bên có quyền làm đơn yêu cầu thay đổi việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con. Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con, không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này.

3. Về tài sản chung và nợ chung: bà Trần Thị Mỹ T và ông Nguyễn Văn D được quyền khởi kiện vụ án dân sự khác khi có yêu cầu.

4. Về án phí: bà Trần Thị Mỹ T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2016/0004749 ngày 08/4/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, bà T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn.

5. Nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên tòa, được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận :***
- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- UBND xã G;
- Những người tham gia tố tụng.
- Lưu án văn, hồ sơ.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Bùi Thị Mỹ Hạnh**